

Số: 113/QĐ-CTK

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách năm 2025
của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-BTC ngày 05/3/2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-CTK ngày 12/3/2025 của Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Thống kê cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-CCTK ngày 20/6/2025 của Chi cục Thống kê Thanh Hóa về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Xét đề nghị của Kế toán trưởng, Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa (chi tiết tại các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị liên quan trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban KHTC-CCTK;
- KBNN nơi giao dịch;
- Đội Thống kê các huyện, thành phố;
- Đăng trên web CCTK Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KT.

CHI CỤC TRƯỞNG



Thái Bá Minh

Đơn vị: CHI CỤC THỐNG KÊ TỈNH THANH HÓA

Chương:013

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 113 /QĐ-CCTK ngày 20/6/2025 của Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết
				CQ CCTK tỉnh Thanh Hóa
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
				
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
2.1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
3.1	Lệ phí			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết
				CQ CCTK tỉnh Thanh Hóa
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
				
3.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước			
1	Chi quản lý hành chính	59.000	59.000	59.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	59.000	59.000	59.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			-
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết
				CQ CCTK tỉnh Thanh Hóa
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11	Chi Chương trình mục tiêu			
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
2	Chi Chương trình mục tiêu			